TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 93/2024/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 31 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 147/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T thống nhất anh chị có hai con chung là cháu Trần Lệ Q, sinh ngày 21/7/2012 và cháu Trần Lệ P, sinh ngày 18/9/2016, hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh chị. Ly hôn anh chị thống nhất thỏa thuận để anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là

cháu Q và cháu P. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn T thống nhất không yêu cầu toà án giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu án phí ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số: 0002384 ngày 16/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Chị H đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện B;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- Ủy ban nhân dân TT Đ, huyện B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Lan